

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1865/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế
Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23 tháng 02 năm 2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 04 tháng 7 năm 2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phát triển nền Đông Y và Hội Đông Y Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ

về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống Y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án giảm quá tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 156-KL/TU ngày 08 tháng 01 năm 2014 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án “Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1334/SYT-KHTH ngày 14 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM QUY HOẠCH

Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế gắn với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, có tính đến vị trí, vai trò của ngành trong vùng kinh tế trọng điểm, trong khu vực. Cân đối hài hòa toàn diện cả hai loại hình công lập và ngoài công lập, thông qua việc thực hiện xã hội hóa đầu tư, trong đó y tế công lập giữ vai trò chủ đạo. Thực hiện giảm quá tải bệnh viện.

Đảm bảo phát triển nguồn nhân lực có y đức, tận tụy phục vụ người bệnh, phục vụ cộng đồng; đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng; về quy mô phát triển trước mắt và lâu dài. Đào tạo nguồn nhân lực ngang tầm với khu vực ASEAN; đủ trình độ và điều kiện khám chữa bệnh theo chuẩn quốc tế, chuẩn Châu Âu. Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và đầu tư y tế kỹ thuật cao, hiện đại kết hợp với việc sử dụng vốn quý của nền y học dân tộc, cổ truyền. Phần đầu trở thành 1 trong 9 ngành dịch vụ chất lượng cao của Thành phố.

Xây dựng mạng lưới y tế rộng khắp từ tuyến y tế cơ sở đến tuyến Thành phố mang tính chuyên sâu, phát triển mạng lưới vận chuyển cấp cứu chuyên nghiệp, hiện đại, góp phần thực hiện công bằng, hiệu quả trong việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xây dựng hệ thống y tế Thành phố Hồ Chí Minh chuyên nghiệp, hiện đại, hoàn chỉnh, hướng tới công bằng, hiệu quả và phát triển, bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe ngày càng tăng và đa dạng của nhân dân Thành phố và các tỉnh lân cận; trở thành một trong những trung tâm y tế chuyên sâu, dịch vụ chất lượng cao của khu vực phía Nam và cả nước, ngang tầm hệ thống y tế của các nước phát triển trong khu vực; có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, tiên tiến và là trung tâm đào tạo, khoa học, công nghệ cao về y học hàng đầu của cả nước. Đồng thời phát triển ngành y tế trở thành ngành dịch vụ chất lượng cao, đóng góp lớn vào sự tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của Thành phố.

Giảm các yếu tố nguy cơ gây bệnh, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ của người dân, xây dựng được tập quán tốt về vệ sinh phòng bệnh, thói quen ăn uống, dinh dưỡng, sử dụng an toàn vệ sinh thực phẩm. Mọi người đều được sống trong môi trường và cộng đồng an toàn về mặt sức khỏe, phát triển tốt về thể chất và tinh thần.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Xây dựng và cơ cấu lại hệ thống y tế công cộng, đảm bảo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống dịch bệnh, công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, các chương trình sức khỏe, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khỏe, tăng tuổi thọ, cải thiện chất lượng giống nòi, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực; đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu.

2. Xây dựng và phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh theo cụm dân cư không phân biệt địa giới hành chính, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm hệ thống y tế các nước tiên tiến trong khu vực, hoàn thiện mạng lưới cấp cứu, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, đảm bảo cho mọi người dân tiếp cận đầy đủ và thuận lợi với các dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến, góp phần giảm quá tải ở một số cơ sở y tế như hiện nay, đáp ứng mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển, hướng tới là ngành cung ứng dịch vụ y tế cao cấp của Thành phố và khu vực ASEAN.

3. Phát triển ngành Y học cổ truyền ngang tầm với ngành y học cổ truyền của các nước phát triển của khu vực Châu Á như Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc để mang lại hiệu quả về kinh tế, đồng thời giới thiệu một nét văn hóa về y học cổ truyền của Thành phố.

4. Phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn. Phát triển mạnh ngành công nghiệp nguyên liệu dược, đặc biệt về trồng trọt và chiết xuất dược; nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao. Đảm bảo cung cấp đầy đủ thuốc và vắc-xin phục vụ phòng bệnh, phòng chống dịch, phòng chống thảm họa, thiên tai và khám chữa bệnh.

5. Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và sắp xếp phù hợp cho các tuyến. Đào tạo Bác sĩ theo chuẩn Châu Âu, ngang tầm với khu vực ASEAN. Bảo đảm bác sĩ, dược sĩ /10.000 dân theo từng giai đoạn, nhất là đội ngũ chuyên gia có trình độ cao và đồng bộ hóa theo tiêu chuẩn chuyên môn, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có đức, có tài để phục vụ người bệnh ngày càng hiệu quả.

6. Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước một cách toàn diện về các hoạt động y tế; Đẩy mạnh cải cách hành chính phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân kịp thời, thuận lợi, nhằm nâng cao năng suất lao động của đội ngũ nhân viên y tế và tạo thuận lợi cho việc phục vụ chăm sóc sức khỏe người dân; thực hiện phân cấp đầy

đủ cho các tuyến y tế để chủ động trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chỉ đạo có hiệu quả các chương trình y tế quốc gia, các dự án phát triển y tế của Thành phố.

7. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần, gắn chặt với nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố. Cơ cấu dân số, trong đó tập trung vào 3 lĩnh vực: khống chế tốc độ gia tăng của tỷ số giới tính khi sinh; nhanh chóng thích ứng với sự già hóa dân số; tận dụng giai đoạn cơ cấu “dân số vàng”.

IV. CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

| Chỉ tiêu | 2013 | 2015 | 2020 | Ghi chú |
|---|--------|------|------|---------|
| Một số chỉ tiêu về sức khỏe | | | | |
| Tỷ lệ trẻ em <5 tuổi suy dinh dưỡng (%) | 6,7 | <8 | <8 | |
| Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi (‰) | 4,29 | ≤10 | ≤10 | |
| Tỷ suất tử vong mẹ (p100.000) | 6,02 | ≤10 | ≤10 | |
| Lĩnh vực Y tế công cộng | | | | |
| Trạm Y tế phường xã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất | 92% | 100% | 100% | |
| Trung tâm Y tế quận huyện đạt chuẩn thiết kế | 41.6% | 100% | 100% | |
| Trung tâm thuộc hệ dự phòng Thành phố đạt chuẩn thiết kế | 100% | 100% | 100% | |
| Các trung tâm Y tế quận huyện, một số các trung tâm không giường bệnh như: Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố, Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế có quy trình để giám sát, kiểm soát và phòng chống dịch bệnh | 100% | 100% | 100% | |
| Trạm Y tế là trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, thực hiện mô hình Bác sĩ Gia đình | 28,26% | 100% | 100% | |
| Lĩnh vực an toàn thực phẩm | | | | |

| | | | | |
|--|------------------------------|------|------|-------------------|
| - Tổng sản lượng nông sản, thực phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn sẽ được quản lý theo chuỗi thực phẩm | | 50% | 80% | |
| - Nông sản, thực phẩm kinh doanh trong siêu thị, cửa hàng văn minh tiện ích và tại 3 chợ đầu mối, được kiểm soát nguồn gốc an toàn thực phẩm. | 100% (trong các siêu thị) | 100% | 100% | Chỉ tiêu phần đầu |
| - Người sản xuất, người kinh doanh thực phẩm, người quản lý biết đúng và thực hành đúng về an toàn thực phẩm. - Người tiêu dùng hiểu biết đúng và thực hành đúng về an toàn thực phẩm. | | 90% | 100% | Chỉ tiêu phần đầu |
| | | 80% | 100% | |
| - Quầy sạp kinh doanh tại các chợ đầu mối, chợ truyền thống loại 1, loại 2, loại 3 được quản lý và cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm | 95,77 % (3 chợ đầu mối) | 100% | 100% | Chỉ tiêu phần đầu |
| Bếp ăn tập thể, căn tin trường học; khu chế xuất, khu công nghiệp; cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp được quản lý và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Trong đó, cơ sở cung cấp suất ăn công nghiệp đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP, HACCP). | 95,98% | 100% | 100% | Chỉ tiêu phần đầu |
| | | 50% | 100% | |
| - Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm quy mô công nghiệp, tập trung được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm Trong đó, số cơ sở đạt tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt (GMP, HACCP). - Cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm quy mô nhỏ đạt đủ điều kiện an toàn thực phẩm. | 97% | 100% | 100% | Chỉ tiêu phần đầu |
| | | 40% | 50% | |
| | | 50% | | |

| | | | | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------|
| - Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên 30 người mắc so với trung bình 5 năm (2006 - 2010), Trong đó, Ngộ độc do vi sinh chiếm số vụ ngộ độc. Không để xảy ra dịch lây qua đường thực phẩm. - Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính được ghi nhận dưới 7 người/100.000 dân. | | Giảm 70% < 20% | Giảm 90% <10% | Chi tiêu phần đầu |
| | 8,5/100.000 dân | 7/100.000 dân | 6/100.000 dân | |
| Lĩnh vực Khám chữa bệnh, phục hồi chức năng | | | | |
| Số giường bệnh trên 10.000 dân | 42 | 42 | 42 | 30-50% giường bệnh xã hội hóa |
| Số lượt điều trị nội trú/100 dân; | 13,6 | 12,5 | 13 | |
| Số ngày điều trị trung bình là 6,98 ngày/ bệnh nhân | 6,64 ngày/ bệnh nhân | giảm 0,19 ngày/năm | 5 ngày/ bệnh nhân | |
| Giảm tình trạng quá tải ở các Bệnh viện Ung bướu, Nhi, Sản, Chấn thương chỉnh hình | - | 70% | 80% | |
| Bệnh viện đa khoa đều có khoa Y học cổ truyền | 90% | 100% | 100% | |
| Cơ sở y tế đạt tiêu chí thiết kế hiện đại, trang thiết bị kỹ thuật cao. | - | 70% | 100% | |
| Lưu lượng nước thải y tế phát sinh được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường | 99,77% | 100% | 100% | |
| Khối lượng rác thải y tế nguy hại phát sinh được xử lý | 100% | 100% | 100% | |
| Lĩnh vực Dược | | | | |
| Doanh nghiệp sản xuất dược trên địa bàn Thành phố đạt tiêu chuẩn GMP | 100% | 100% | 100% | |
| Nhà thuốc đạt tiêu chuẩn GPP | 92% | 100% | 100% | |

| | | | | |
|--|-----------------|--------------------------|--------------------------|--|
| Đào tạo nguồn nhân lực | | | | |
| Số bác sĩ / 10.000 dân | 14 | 15 | 20 | |
| Số dược sĩ / 10.000 dân | 8,79 | 6,2 | 6,5 | |
| Số điều dưỡng / 10.000 dân | 28 | 25 | 30 | |
| Số bác sĩ ở Trạm Y tế | 89,4% | 100% | 100% | |
| Số cán bộ y tế mỗi Trạm Y tế | 6,5 cán bộ y tế | 1 Bác sĩ - 8 cán bộ y tế | 2 Bác sĩ- 10 cán bộ y tế | |
| Khối trung tâm không giường bệnh tuyến Thành phố và Trung tâm Y tế quận huyện đạt mức biên chế /10.000 dân | 4,3 | 7 | 8 biên chế | |
| Biên chế Trạm Y tế / 10.000 dân | 2,64 | 3 | 4 biên chế | |
| Lĩnh vực y tế dự phòng và tuyến y tế cơ sở đạt Cán bộ y tế/tổng Cán bộ y tế thuộc ngành | 12,28% | 15% | 30% | |
| Tuyển phường xã có cán bộ chuyên trách công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình (kể cả Phòng Y tế) | 100% | 100% | 100% | |
| Phòng Y tế có cán bộ Y học cổ truyền | 25% | 100% | 100% | |
| Trạm Y tế phường xã có cán bộ Y học cổ truyền | 75,77% | 100% | 100% | |
| Cán bộ y tế công tác tại bệnh viện hạng 1 được đào tạo nâng cao sau Đại học | 50% | 50% | 70% | |
| Cán bộ y tế công tác tại bệnh viện hạng 2 có trình độ sau Đại học | 35% | 40% | 50% | |
| Cơ sở y tế có hệ thống thông tin liên lạc điện tử | - | | 100% | |
| Cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng. | - | | 100% | |
| Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình | | | | |
| Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm | 1,08% | Dưới 1,1% | Dưới 1,1% | |

V. NỘI DUNG THỰC HIỆN QUY HOẠCH GIAI ĐOẠN 2013 - 2015; GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

1. Lĩnh vực Y tế công cộng:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Về tổ chức - mạng lưới: Thành lập các Trung tâm An toàn Vệ sinh thực phẩm liên quận tiến tới thành lập 24 Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm trực thuộc Chi Cục An toàn Vệ sinh thực phẩm Thành phố (Sở Y tế).

Các Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện do Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho các Trạm Y tế phường - xã, thị trấn. Trạm Y tế là đơn vị độc lập (có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng) trực thuộc Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện.

Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn, hoạt động giám sát, kiểm soát dịch bệnh. Nâng chất lượng của hoạt động an toàn vệ sinh thực phẩm; Đẩy mạnh hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, giáo dục an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh trong cộng đồng, trong nhân dân thông qua hệ thống truyền thông của ngành y tế, mạng lưới các Hội, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương; tăng cường vai trò của Trạm Y tế.

Xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất của các đơn vị thuộc hệ dự phòng Thành phố, các Trung tâm thuộc hệ dự phòng quận - huyện để đạt chuẩn thiết kế hoàn chỉnh. Đến 2015, tập trung đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành dự án Trung tâm Xét nghiệm Y khoa; xây dựng mới Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố tại Quận 8; Xây dựng và sửa chữa cải tạo các Trung tâm thuộc khối dự phòng Thành phố; Sửa chữa, xây dựng mới các Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện đã xuống cấp và không đạt chuẩn.

Tiến hành xây dựng mới các Trạm Y tế xã - phường, thị trấn đã hư hỏng, xuống cấp trầm trọng; Sửa chữa, nâng cấp các Trạm Y tế để đến 2015, tất cả 322 Trạm Y tế xã - phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, đảm bảo hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Bổ trí cơ cấu cán bộ phù hợp nhiệm vụ của Trạm Y tế; bổ sung dược sĩ, bác sĩ gia đình, bác sĩ y học dự phòng và cán bộ phòng chống dịch. Chú trọng nâng cao chất lượng cán bộ y tế dự phòng/y tế học đường qua tập huấn, đào tạo lại, đào tạo nâng cao...

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Đến năm 2020, các Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện, Trung tâm An toàn vệ sinh thực phẩm, các Trung tâm không giường bệnh thuộc hệ dự phòng Thành phố đã được nâng cấp, xây dựng hoàn chỉnh, đáp ứng tốt với yêu cầu của hoạt động y tế công cộng. Các Trạm Y tế đều có cơ sở vật chất khang trang, đạt chuẩn quốc gia, trang thiết bị và nhân lực hoàn chỉnh, đáp ứng tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Lĩnh vực khám chữa bệnh, phục hồi chức năng:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Tổ chức - mạng lưới: Mạng lưới khám chữa bệnh được triển khai theo hệ thống các chuyên khoa và tổ chức từ tuyến bệnh viện Thành phố đến bệnh viện quận - huyện theo chương trình gắn kết, hỗ trợ giữa các bệnh viện theo chủ trương của Thành phố. Trạm Y tế xã - phường, thị trấn là đơn vị tuyến cơ sở thực hiện chức năng của một trung tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu theo mô hình bác sĩ gia đình. Xây dựng các bệnh viện chủ lực ở 4 cửa ngõ Đông, Tây, Nam, Bắc của Thành phố để hình thành các cụm bệnh viện bố trí đủ diện tích đất theo đúng tiêu chuẩn, thiết kế và xây dựng theo tiêu chí hiện đại. Quy hoạch lại tổng mặt bằng các bệnh viện ở trung tâm Thành phố để nâng cấp, sửa chữa theo đúng tiêu chuẩn và đạt tiêu chí bệnh viện chuyên khoa sâu, hiện đại nhưng không tăng quy mô giường bệnh. Phân kỳ theo từng giai đoạn và khuyến khích sử dụng nguồn vốn xã hội hóa để phát triển bệnh viện. Nguồn vốn ngân sách chỉ tập trung vào một số bệnh viện trọng điểm theo danh mục đầu tư được duyệt, còn lại là đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

Tất cả các cơ sở y tế phải đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường (100% rác thải phát sinh phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành, 100% lượng nước thải y tế phát sinh phải được xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi xả thải ra môi trường).

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, giải quyết dứt điểm tình trạng quá tải hiện nay. Xây dựng mạng lưới điều trị và hỗ trợ cộng đồng qua các chương trình sức khỏe, chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật từ tuyến trên đến tuyến dưới. Triển khai thực hiện Đề án bệnh viện vệ tinh là gắn thương hiệu của bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới theo Quyết định số 3896/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố ngày 18 tháng 7 năm 2013 (hình thành và phát triển mạng lưới bệnh viện vệ tinh tại các tỉnh, thành do 6 bệnh viện hạt nhân trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thành lập); chuyển các Bệnh viện quận - huyện trở thành bệnh viện vệ tinh của các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa đầu ngành của Thành phố. Các bệnh viện

chuyên khoa sâu được đầu tư kỹ thuật cao, cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, cung ứng dịch vụ y tế cao cấp phục vụ nhân dân Thành phố, nhân dân cả nước và người nước ngoài đến Thành phố. Các bệnh viện, các phòng khám đa khoa kỹ thuật cao ngoài công lập được tiếp tục khuyến khích phát triển, nhất là đầu tư tại các cụm cửa ngõ; phối hợp với bệnh viện công lập để hoạt động chăm sóc sức khỏe, tuân thủ quy định chuyên môn, quy định bảo vệ môi trường. Phần đầu thực hiện đạt kết quả cao nhất Bảo hiểm y tế toàn dân.

Tăng cường hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các nước có nền y học tiên tiến trên thế giới. Hỗ trợ các tỉnh bạn trong chuyển giao kỹ thuật, hợp tác điều trị, trong lĩnh vực dược, dự phòng. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị y tế thuộc Bộ Y tế và các Bộ, ngành đóng trên địa bàn Thành phố. Nghiên cứu thành lập Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Y học, đẩy mạnh chương trình hợp tác quốc tế...

Bổ sung nguồn nhân lực cho các bệnh viện, tổ chức các khóa đào tạo huấn luyện để tăng cường lực lượng đội ngũ bác sĩ có tay nghề cao, có chuyên môn sâu.

Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở ứng dụng bức xạ trong y tế (theo Quyết định số 1958/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong y tế đến năm 2020).

Xây dựng mạng lưới cấp cứu ngoại viện để đến 2015 có các Trạm cấp cứu đặt tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn, Bệnh viện huyện Bình Chánh, Bệnh viện Quận 7, Bệnh viện huyện Cần Giờ bao gồm: cơ sở hoạt động, bộ máy điều hành, trang thiết bị, xe cấp cứu chuyên dụng, nguồn nhân lực. Xây dựng cơ chế phối hợp hoàn chỉnh, nhuần nhuyễn với lực lượng Quân y trong phòng thủ khu vực, dự bị động viên, xử trí các tình huống thảm họa, khủng bố sinh học...

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hoàn chỉnh 5 cụm bệnh viện: gồm 4 cụm bệnh viện cửa ngõ và cụm bệnh viện trung tâm. Đến năm 2020, các bệnh viện có cơ sở vật chất hiện đại, bố trí đều khắp tại cụm trung tâm và các cửa ngõ, tại các cụm dân cư, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân Thành phố và các vùng lân cận.

Đến năm 2020, cán bộ y tế tại các cơ sở đều đáp ứng yêu cầu chuyên môn, có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ cao, đội ngũ cán bộ quản lý y tế đều được đào tạo hoàn chỉnh về quản lý y tế, quản lý bệnh viện.

Hoàn chỉnh mạng lưới cấp cứu ngoại viện của Thành phố, có đủ các trạm cấp cứu tại các bệnh viện quận - huyện, xây dựng các đội cấp cứu đường bộ, đường thủy, đường hàng không.

Đến năm 2025, cán bộ y tế đều có trình độ ngoại ngữ, có khả năng nghiên cứu và thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật cao theo đúng chuyên ngành công tác.

3. Lĩnh vực Y học cổ truyền:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Tổ chức mạng lưới: Thành lập các khoa Đông Y của các bệnh viện đa khoa, chịu sự hướng dẫn chuyên môn của Bệnh viện Y học cổ truyền và Viện Y dược học dân tộc Thành phố, có sự tham gia hỗ trợ của Hội Đông Y, Hội Châm cứu. Các hoạt động Đông y Trạm Y tế xã - phường, thị trấn dưới sự chỉ đạo của phòng y tế quận - huyện và sự hỗ trợ của 2 bệnh viện Y học cổ truyền Thành phố.

Hoạt động chuyên môn: Phát triển mạng lưới điều trị bằng y học cổ truyền thông qua hoạt động chỉ đạo tuyến, đẩy mạnh hoạt động của khoa Đông Y Bệnh viện đa khoa, các Trạm Y tế và mạng lưới hành nghề ngoài công lập.

Xây dựng mới Viện Y dược học dân tộc và nâng cấp, sửa chữa cải tạo Bệnh viện Y học cổ truyền.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Xây dựng mới một bệnh viện y dược học cổ truyền kết hợp y học hiện đại mang tầm vóc một bệnh viện lớn của khu vực Đông Nam Á tại 01 cửa ngõ Thành phố.

Phát triển cây trồng dược liệu, cây thuốc nam tại Thành phố và kết hợp với các tỉnh phía Nam.

Hình thành và phát triển Phố Đông Y tại Quận 5.

Quản lý nhà nước về đông dược: Tất cả các cơ sở sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu phải đạt nguyên tắc “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP-WHO).

Đến năm 2020, cơ sở vật chất của mạng lưới Đông Y đã hoàn chỉnh từ cấp Thành phố (3 bệnh viện hiện đại) đến phường - xã, thị trấn (các Trạm Y tế), các cơ sở kang trang, phục vụ bệnh nhân hiệu quả, có sự phối hợp rất tốt giữa điều trị Đông y và Tây y và đảm bảo nguồn cung ứng cây trồng dược liệu (đông dược) cho mạng lưới khám chữa bệnh đông y.

4. Lĩnh vực Dược:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Quy hoạch Vùng công nghiệp dược: nuôi trồng, trồng trọt và chiết xuất dược; tập trung sản xuất dược trong nước với công nghệ bào chế cao (đặt tại Khu Công nghiệp Tây bắc Thành phố - 50 ha và liên kết với các tỉnh bạn). Sắp xếp các doanh nghiệp sản xuất dược của Thành phố theo định hướng chuyên môn hóa theo cơ cấu sản phẩm chuyên sâu của doanh nghiệp. Quy hoạch các nhà máy sản xuất trang thiết bị và kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, sửa chữa trang thiết bị y tế.

Sắp xếp, tổ chức lại các trung tâm kinh doanh dược phẩm, quy hoạch các chợ sỉ kinh doanh thuốc Thành phố dưới hình thức Trung tâm thương mại dược phẩm (bao gồm cả kinh doanh thuốc y học cổ truyền, thuốc từ dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng...). Xây dựng quy chế quản lý các Trung tâm thương mại theo hướng tập trung quản lý đầu vào của các nguồn hàng (nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và giá cả).

Thành lập Trung tâm kiểm định, kiểm chuẩn trang thiết bị y tế. Thành lập Trung tâm tiếp liệu để cung ứng thuốc thiết yếu.

Củng cố và tăng cường quản lý nhà nước đối với ngành Dược và Trang thiết bị Y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về Dược; tăng cường công tác thanh tra kiểm tra quản lý, phân phối, sử dụng thuốc và quản lý giá thuốc.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hình thành khu công nghiệp chuyên sơ chế, bào chế, sản xuất thuốc đông y, thuốc từ dược liệu với công nghệ và kỹ thuật hiện đại tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh công tác Dược lâm sàng.

Từng bước tiến đến cung ứng thuốc, vật tư y tế cho các đơn vị y tế công lập và các cơ sở y tế khác có nhu cầu. Thành lập Trung tâm Xúc tiến Thương mại, quảng cáo và tiếp thị Dược phẩm; Thành lập Trung tâm phân phối Dược phẩm theo tiêu chuẩn GSP-GDP.

Xây dựng nhà máy sản xuất trang thiết bị.

5. Đào tạo nguồn nhân lực:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế có ý thức, có tinh thần thái độ phục vụ tận tụy người bệnh, phục vụ cộng đồng; bảo đảm số lượng và chất lượng đào tạo theo

mục tiêu đề ra; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; Thực hiện điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực để khắc phục sự mất cân đối giữa các lĩnh vực.

Tăng quy mô đào tạo của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đối với khối đại học, trung học. Mở thêm mã ngành đào tạo Bác sĩ Gia đình, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ theo chuẩn Châu Âu, đào tạo Dược sĩ đại học và Bác sĩ chuyên ngành Y tế Công cộng, Y học dự phòng. Phát huy năng lực và trình độ đào tạo của các trường đào tạo điều dưỡng tư nhân hiện nay. Quan tâm đào tạo cán bộ y tế cộng đồng.

Phát triển mô hình Viện Trường trong đào tạo và thực hành (Viện Trường Phạm Ngọc Thạch - Bệnh viện Nhân dân 115). Chú trọng đầu tư và phối hợp tốt giữa hướng dẫn thực hành và giảng dạy lý thuyết để đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực. Đề xuất mở rộng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch tại khu vực phía Nam Thành phố (xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh). Chú trọng việc đào tạo cán bộ quản lý y tế (Khoa Quản lý y tế Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch).

Triển khai các phương án xây dựng Viện Trường Củ Chi và các Viện Trường khác theo phương thức xã hội hóa.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hoàn chỉnh cơ sở vật chất của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (cơ sở 2) và cơ sở bệnh viện thực hành.

Hoàn tất xây dựng Viện - Trường Củ Chi và các Viện - Trường khác.

Đến năm 2020, Thành phố đã có đủ nguồn nhân lực cung ứng cho các cơ sở y tế trên địa bàn, có các cơ sở đào tạo chuyên ngành từ trung cấp đến sau đại học (Tiến sĩ y khoa, sau Tiến sĩ).

Đến năm 2025, các cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia đào tạo nhân lực cho các nước có nhu cầu, nguồn nhân lực được đào tạo có tiêu chuẩn quốc tế.

6. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về y tế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính:

a) Giai đoạn đến năm 2015:

Xây dựng hệ thống chính trị của ngành trong sạch vững mạnh, bộ máy quản lý hoạt động hiệu quả. Tăng cường giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế.

Phát triển hạ tầng truyền thông; Xây dựng hệ thống đường truyền riêng kết nối

tất cả cơ sở thuộc ngành y tế Thành phố, đảm bảo an toàn, ổn định, linh động... Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động của bệnh viện, từ hoạt động tiếp nhận, marketing, thu phí viện phí, các hoạt động về hành chính đến hoạt động chuyên môn.

Thực hiện các tiêu chuẩn quản lý chất lượng đối với tất cả các cơ sở y tế.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Đến năm 2020, các thủ tục hành chính phải nhanh, gọn, đúng quy trình, đúng luật định. Thủ tục tiếp nhận bệnh nhân đảm bảo đơn giản, được bệnh nhân hài lòng. Hệ thống chẩn đoán và điều trị từ xa được gắn kết với tất cả các bệnh viện.

Đến năm 2025, các cơ sở y tế đã ứng dụng tốt mạng công nghệ thông tin, triển khai liên kết với quốc tế trong hoạt động phòng chống dịch bệnh, trong điều trị bệnh nhân.

7. Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:

a) Giai đoạn đến năm 2015: ổn định quy mô, kiểm soát sự gia tăng dân số; ổn định cơ cấu giới tính, duy trì mức cân bằng giới tính khi sinh

Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục thay đổi hành vi. Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Nâng cao chất lượng dân số thông qua các chương trình hoạt động như Tổ chức triển khai thí điểm một số mô hình can thiệp nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần góp phần đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp; Tiếp tục triển khai và mở rộng mô hình các điểm tư vấn về sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân tại Thành phố và cộng đồng dân cư một số quận - huyện có quy mô dân số lớn và nhóm đối tượng ưu tiên trong vận động thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình.

b) Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025:

Hoàn chỉnh các đơn vị chăm sóc sức khỏe sinh sản và dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình.

Đẩy mạnh nâng cao chất lượng dân số.

8. Tổng hợp nguồn lực thực hiện mục tiêu

a) Nhu cầu về nguồn nhân lực:

| | Giai đoạn 1 | Giai đoạn 2 |
|------------|-------------|-------------|
| Bác sĩ | 14.961 | 21.984 |
| Dược sĩ | 7.181 | 8.244 |
| Điều dưỡng | 24.938 | 32.976 |

b) Nhu cầu về đất: đến năm 2020 nhu cầu về đất cần:

- Khu vực Trung tâm: không tăng quỹ đất.
- Khu vực phía Đông: Bổ sung thêm khoảng 56 ha.
- Khu vực phía Tây: Bổ sung thêm khoảng 69 ha.
- Khu vực phía Nam: Bổ sung thêm khoảng 65 ha.
- Khu vực phía Bắc: Bổ sung thêm khoảng 93 ha.

c) Nhu cầu về vốn đầu tư:

- Giai đoạn 2013 - 2015 cần 20.746 tỷ đồng, trong đó:

* Vốn đầu tư các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa Thành phố:

Tổng vốn đầu tư 4.708 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn vay kích cầu.

* Vốn đầu tư các bệnh viện quận - huyện:

Tổng vốn đầu tư: 2.040 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác, theo nhu cầu và tiến độ thực hiện.

* Nguồn vốn đầu tư xây dựng một số bệnh viện mới (gồm bệnh viện Nhi Đồng Thành phố, bệnh viện đa khoa khu vực Thủ Đức, bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi, bệnh viện đa khoa khu vực Hóc Môn, bệnh viện Chấn thương chỉnh hình, bệnh viện Ung bướu cơ sở 2...):

+ Tổng mức đầu tư: 12.900 tỷ đồng.

+ Sử dụng nguồn vốn Trung ương (gồm bệnh viện Nhi Đồng Thành phố, bệnh viện Ung bướu cơ sở 2), đầu tư theo hình thức BT hoặc vốn vay kích cầu (Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình) và nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

Đến năm 2015, hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới 5 bệnh viện cửa ngõ theo

thứ tự ưu tiên: Bệnh viện Nhi đồng Thành phố (tại xã Tân Kiên - xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh), Bệnh viện Ung bướu (cơ sở 2 tại Quận 9), Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn.

* Vốn đầu tư các đơn vị thuộc khối dự phòng:

Tổng vốn đầu tư: 1.098 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025: nhu cầu vốn để hoàn tất dự án trọng điểm là 4.200 tỷ đồng, tiếp tục đầu tư để có thêm 1.000 giường bệnh từ các cơ sở công lập và dự kiến 3.000 giường bệnh từ các bệnh viện tư nhân tham gia đầu tư.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về đào tạo nguồn nhân lực:

Xây dựng mô hình kết hợp viện trường giữa Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch với Bệnh viện Nhân dân 115 (để phát triển cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, cơ sở thực hành và tăng cường đội ngũ giảng viên giỏi về lý thuyết và thực hành). Nâng cấp Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch đủ sức đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế Thành phố và đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, đào tạo nguồn nhân lực theo chuẩn Châu Âu. Tiếp tục phát triển xây dựng bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch ở xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh bằng nguồn ngân sách Nhà nước.

Tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo giữa các trường đại học y, được theo hình thức đào tạo hợp đồng theo địa chỉ sử dụng để có đủ số cán bộ theo định biên.

Tăng quy mô đào tạo đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Thành lập khoa Dược, khoa Y học cổ truyền và khoa Y tế công cộng ở Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch để đào tạo Dược sĩ đại học, Bác sĩ Y học cổ truyền và Bác sĩ chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng, tuyển sinh đào tạo Bác sĩ Răng Hàm Mặt (hiện nay đã đủ điều kiện về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ giảng để đáp ứng chỉ tiêu đề ra).

Khuyến khích các nguồn lực xã hội hóa để đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Mở thêm mã ngành đào tạo trung cấp chuyên nghiệp: y học dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số - kế hoạch hóa gia đình để bổ sung đội ngũ cán bộ y tế.

Thực hiện Chương trình đào tạo 300 Thạc sĩ - Tiến sĩ y khoa của Thành phố,

đào tạo phối hợp hai giai đoạn (trong nước và nước ngoài) để đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao; nguồn nhân lực theo chuẩn Châu Âu. Các cơ sở y tế, đặc biệt là các bệnh viện hạng I phải có kế hoạch ưu tiên phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy cho sinh viên thực hành, đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo liên tục, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Chú trọng đào tạo cán bộ quản lý y tế, nhất là cán bộ quản lý bệnh viện. Xây dựng chương trình đào tạo chuẩn cho cán bộ quản lý bệnh viện, cơ sở y tế (quản lý chất lượng, quản lý kinh tế y tế, quản lý chuyên môn...).

Mời các chuyên gia giỏi, giảng viên có trình độ và kinh nghiệm nước ngoài tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng trường đào tạo nhân lực y tế chất lượng cao trong phạm vi lĩnh vực của ngành; Ưu tiên các dự án mở trường theo tiêu chuẩn quốc tế.

Lồng ghép nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vào các dự án do nước ngoài tài trợ từ các chương trình, dự án tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ.

Kiện toàn, củng cố nâng cao năng lực đào tạo cho các cơ sở đào tạo.

Phối hợp với các Hội nghề nghiệp, Hội quần chúng (Hội Y học, Hội Dược học Thành phố Hồ Chí Minh, Hội Đông Y) để mở các lớp bồi dưỡng chuyên ngành cơ bản và nâng cao cho lực lượng cán bộ y tế.

Phân công cán bộ y tế tốt nghiệp đại học, trung cấp về nhận nhiệm sở tại các đơn vị y tế quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo để đào tạo hỗ trợ cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các Trạm Y tế cơ quan xí nghiệp, y tế trường học, y tế trong các trung tâm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố.

2. Về nhu cầu sử dụng đất:

Đối với việc tái cấu trúc các bệnh viện cụm trung tâm: không mở rộng thêm diện tích đất. Tái cấu trúc bệnh viện theo hướng hợp khối, phát triển cao tầng để giảm mật độ xây dựng, tạo thêm diện tích giao thông và cây xanh.

Đối với các dự án tại các cụm Bệnh viện cửa ngõ: Bố trí quỹ đất hợp lý theo đúng tiêu chuẩn thiết kế, đảm bảo đủ điều kiện để kết nối giao thông thuận tiện và thiết kế bệnh viện hiện đại. Có đất dự phòng cho nhu cầu phát triển.

Đối với các dự án xây dựng Trung tâm Y tế dự phòng quận - huyện, các Trạm Y tế: Bố trí quỹ đất đủ để xây dựng thiết kế chuẩn cho Trung tâm Y tế dự phòng, Trạm Y tế xã - phường, thị trấn.

Các dự án đầu tư cơ sở y tế phải được xây dựng theo tiêu chuẩn hiện đại, phù hợp với tiêu chuẩn kiến trúc và đảm bảo về môi trường theo quy định.

3. Về kinh phí đầu tư:

Nguồn Ngân sách Trung ương, nguồn ngân sách Thành phố, vốn vay ODA, vốn phát hành trái phiếu: đầu tư các bệnh viện cửa ngõ (Bệnh viện Nhi đồng Thành phố, Bệnh viện Ung bướu cơ sở 2, Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi, Bệnh viện Đa khoa khu vực Hóc Môn, Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức).

Nguồn vốn Ngân sách Thành phố: đầu tư hoàn chỉnh hệ thống y tế dự phòng (các Trung tâm y tế dự phòng quận - huyện, các Trạm Y tế phường - xã, thị trấn); xây dựng hoàn chỉnh cơ sở vật chất các bệnh viện.

Nguồn vốn vay kích cầu: Các bệnh viện chuyên khoa và đa khoa thực hiện tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ.

Nguồn vốn đầu tư khác như Xây dựng - Chuyển giao (BT), Xây dựng - sử dụng - chuyển giao (BOT), Hợp tác công tư (PPP).

4. Hoạt động xã hội hóa:

Xây dựng các cơ chế chính sách để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia trong các hoạt động khám chữa bệnh, hoạt động cấp cứu ngoại viện, hoạt động dự phòng, hoạt động đào tạo...

Triển khai các mô hình xã hội hóa y tế theo hướng mở rộng với nhiều hình thức đa dạng như: Mô hình Cơ sở cung ứng dịch vụ y tế kỹ thuật cao - phi lợi nhuận hưởng chính sách theo quy định hiện hành về khuyến khích phát triển xã hội hóa y tế (tại đơn vị hoặc thành lập các cơ sở 2); Hoạt động liên doanh - liên kết; Hoạt động xã hội hóa theo hình thức vay vốn; Huy động nguồn lực xã hội, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư y tế (trong lĩnh vực khám chữa bệnh, trong đào tạo nguồn nhân lực, trong hoạt động y tế công cộng).

Giải pháp huy động sức mạnh của cộng đồng: Phát huy vai trò của các tổ chức hội, đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ, Cựu chiến binh, Chũ thập đồ...), các Hội nghề nghiệp (Hội Y học, Hội Dược, Hội Đông Y, Châm cứu...), Hội quần chúng và các tổ chức từ thiện trong hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe, tư vấn cho cộng đồng

để tăng cường kiến thức y tế, thực hiện những biện pháp phòng bệnh chủ động, khuyến khích cộng đồng phát triển các hình thức tập luyện để nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất. Xây dựng quy chế phối hợp trong các hoạt động chung của ngành y tế.

5. Về cơ chế chính sách:

Từ đầu năm 2014, xây dựng và ban hành chế độ đãi ngộ cán bộ y tế về công tác tại các xã vùng xa, còn khó khăn về các điều kiện sinh hoạt, cán bộ làm công tác y tế dự phòng; về nâng mức phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức công chức tại Trạm Y tế phường - xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố và về chính sách đối với cán bộ, viên chức, nhân viên ngành y tế trên địa bàn quận - huyện thuộc Thành phố (áp dụng cho 05 huyện) được điều chỉnh tăng theo tỷ lệ mức tăng lương cơ bản do Nhà nước quy định.

Phát triển cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Hướng đến giao tự chủ toàn phần, toàn diện cho đơn vị trong việc quản lý sử dụng tài sản và quyết định đầu tư.

Kêu gọi đầu tư xã hội hóa: xác định quy hoạch sử dụng đất và xác định các mô hình kêu gọi đầu tư. Xây dựng cơ chế, chính sách để kêu gọi và thu hút đầu tư đối với các dự án bệnh viện ở các cụm cửa ngõ (như giao đất đã được bồi thường giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư để xây dựng bệnh viện theo quy hoạch ngành...).

Xây dựng quy chế phối hợp với các Sở - ngành, quận - huyện, các cơ quan truyền thông trong hoạt động truyền thông sức khỏe, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe. Chú trọng phối hợp với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước để thực hiện đồng bộ hoạt động phòng chống dịch bệnh và nâng chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân.

Mô hình quản lý: Xây dựng cơ chế quản lý, cơ chế phối hợp và các hoạt động hỗ trợ giữa các tuyến điều trị của Thành phố, quận - huyện và cơ sở (Trạm Y tế). Cho phép thí điểm Trạm Y tế được chủ động trong việc tổ chức khám chữa bệnh ban đầu (có con dấu riêng). Thành lập Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình quận - huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Triển khai thực hiện tốt các quy định về chuyên môn trong hoạt động y tế.

6. Về tổ chức thực hiện quy hoạch:

Tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và sự quan tâm hỗ trợ của các ngành, các cấp, các đơn vị trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch ngành.

Thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện quy hoạch do lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố làm Trưởng ban, lãnh đạo Sở Y tế làm Phó Trưởng ban thường trực và các thành viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành liên quan; Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo gồm các tổ tuyên truyền, tổ triển khai, tổ kiểm tra giám sát, tổ cơ chế chính sách, tổ đánh giá chất lượng nội bộ... Ban Chỉ đạo ban hành quy chế làm việc để điều hành quá trình tổ chức thực hiện, ban hành chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá và khen thưởng việc quy hoạch.

Xây dựng các Chương trình hành động nhằm triển khai hiệu quả các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt, xác định các chương trình trọng tâm, trọng điểm (Củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở; Quy hoạch các bệnh viện chuyên sâu ở trung tâm và các bệnh viện nòng cốt tại các cửa ngõ; Hoàn chỉnh mạng lưới cấp cứu ngoại viện của Thành phố; Phát triển ngành Dược và Y dược học cổ truyền; Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, giáo dục y đức cho cán bộ ngành y tế; Tăng cường hợp tác quốc tế; Đẩy mạnh công tác truyền thông và giáo dục sức khỏe,...).

Công khai quy hoạch, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện truyền thông và các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Y tế:

Công bố và phổ biến rộng rãi Quy hoạch phát triển ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện trên địa bàn Thành phố trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm theo đúng định hướng quy hoạch.

Xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển mạng lưới cơ sở y tế trên địa bàn. Kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế.

Định kỳ hàng năm tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh quy hoạch kịp thời khi không còn phù hợp.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế,

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đvt: triệu đồng

| Số TT | Tên dự án, công trình | Địa điểm thực hiện | Năng lực thiết kế | Khởi công - Hoàn thành | Tổng vốn đầu tư |
|-------|--|--------------------|---|------------------------|-------------------|
| | | | TỔNG | | 16.750.000 |
| 1 | Xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Huyện Bình Chánh | 1.000 giường | 2013 - 2015 | 4.000.000 |
| 2 | Xây dựng mới Bệnh viện Ung Bướu | Quận 9 | 1.000 giường | 2013 - 2016 | 4.000.000 |
| 3 | Xây dựng mới BV Chấn Thương Chỉnh Hình | Huyện Bình Chánh | (500 giường - 25 P. mổ hiện đại) | 2013 - 2014 | 1.000.000 |
| 4 | Xây dựng nâng cấp BV Đa khoa khu vực Thủ Đức | Quận Thủ Đức | (1.000 giường) - 500 giường giai đoạn 1 | 2013 - 2015 | 1.900.000 |
| 5 | Xây dựng Viện Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch - Cơ sở 2 | Huyện Bình Chánh | 4.000 sinh viên; BV 1.000 giường | 2014 - 2016 | 1.500.000 |
| 6 | Xây dựng mới BV Đa khoa khu vực Củ Chi | Huyện Củ Chi | (1.000 giường) - 500 giường giai đoạn 1 | 2013 - 2015 | 1.900.000 |
| 7 | Xây dựng mới BV Đa khoa khu vực huyện Hóc Môn | Huyện Hóc Môn | (1.000 giường) - 500 giường giai đoạn 1 | 2013 - 2016 | 1.800.000 |
| 8 | Xây dựng mới Trung tâm xét nghiệm Y khoa | Huyện Bình Chánh | | 2013 - 2014 | 650.000 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 2**NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN TRUNG TÂM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

a) Nâng cấp, mở rộng (không tăng quy mô giường bệnh): 20 dự án

Đvt: triệu đồng

| Số TT | Tên dự án, công trình | Chủ Đầu tư | Địa điểm thực hiện | Năng lực thiết kế | Tổng vốn đầu tư |
|-------|---|-----------------------------|--------------------|---|------------------|
| | | | | | 3.744.000 |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp Viện Tim Thành phố | Viện Tim | Quận 10 | Cải tạo nâng cấp | 77.000 |
| 2 | Xây dựng mới phòng khám và điều trị nội tim mạch của Bệnh viện Nhân dân 115 | Bệnh viện Nhân Dân 115 | Quận 10 | 5 tầng + tầng hầm và các hạng mục phụ trợ | 36.500 |
| 3 | Xây dựng khu kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản Bệnh viện Từ Dũ | Bệnh viện Từ Dũ | Quận 1 | Diện tích sàn xây dựng 11353 m ² | 265.000 |
| 4 | Xây dựng Cải tạo nâng cấp phòng khám của Bệnh viện Từ Dũ | Bệnh viện Từ Dũ | Quận 1 | 3.000 lượt người/ngày | 33.000 |
| 5 | Cải tạo nâng cấp khu G Bệnh viện Nguyễn Tri Phương | Bệnh viện Nguyễn Tri Phương | Quận 5 | Cải tạo, nâng cấp | 15.000 |
| 6 | Sửa chữa cải tạo Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn | Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn | Quận 1 | Toàn bệnh viện | 10.000 |
| 7 | Xây dựng khoa phong Bệnh viện Da liễu | Bệnh viện Da Liễu | Quận 3 | Thay thế 4 phòng mổ, 20 giường bệnh | 30.500 |
| 8 | Xây dựng Khu khám bệnh và điều trị kỹ thuật cao của Bệnh viện Ung Bướu | Bệnh viện Ung Bướu | Quận Bình Thạnh | 120.000 lượt người/năm | 250.000 |

| | | | | | |
|----|--|-------------------------------|---------|--|----------------|
| 9 | Xây dựng mở rộng Bệnh viện Tai Mũi Họng | Bệnh viện Tai Mũi Họng | Quận 3 | 4229m ² , 2 tầng hầm, 10 tầng | 107.000 |
| 10 | Xây dựng khoa khám bệnh, khoa cấp cứu và điều trị ban ngày của Bệnh viện Nhi Đồng 2 | Bệnh viện Nhi Đồng 2 | Quận 1 | Xây dựng mới | 150.000 |
| 11 | Xây dựng trung tâm ghép tạng và khu phẫu thuật kỹ thuật cao của Bệnh viện Nhi Đồng 2 | Bệnh viện Nhi Đồng 2 | Quận 1 | 12 phòng mổ và các phòng phụ trợ | 400.000 |
| 12 | Xây dựng mới Khoa khám bệnh và Khoa hồi sức chuyên sâu của Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới | Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới | Quận 5 | Diện tích Khoa khám bệnh 805,2m ² ; khoa HSCS 3,290m ² | 200.000 |
| 13 | Xây dựng mới Trung tâm cấp cứu hồi sức (Khu A) của Bệnh viện Cấp cứu Trưng Vương | Bệnh viện Cấp cứu Trưng Vương | Quận 10 | 100 giường cấp cứu chuyên sâu | 400.000 |
| 14 | Xây dựng mới khối Ngoại Bệnh viện Nguyễn Trãi | Bệnh viện Nguyễn Trãi | Quận 5 | Xây dựng mới 21,485m ² | 300.000 |
| 15 | Xây dựng mới Bệnh viện Hùng Vương (giai đoạn 2) | Bệnh viện Hùng Vương | Quận 5 | 13,006m ² | 400.000 |
| 16 | Xây dựng khu chẩn đoán kỹ thuật cao của Bệnh viện Nhân Dân 115 | Bệnh viện Nhân Dân 115 | Quận 10 | Xây dựng mới | 200.000 |
| 17 | Cải tạo nâng cấp khối nhà N5-N6 của Bệnh viện Y học Cổ truyền | Bệnh viện Y học Cổ truyền | Quận 3 | 280.000/lượt khám ngoại trú và các phòng chức năng | 120.000 |

| | | | | | |
|----|---|--------------------------------|-----------------|--------------------------|----------------|
| 18 | Xây dựng khu điều trị Bệnh viện Nhân Dân Gia Định | Bệnh viện Nhân Dân Gia Định | Quận Bình Thạnh | 57.475m ² sàn | 400.000 |
| 19 | Xây dựng thay thế Khu B-C của Bệnh viện Từ Dũ | Bệnh viện Từ Dũ | Quận 1 | Xây thay thế khu B - C | 150.000 |
| 20 | Sửa chữa nâng cấp Bệnh viện Điều dưỡng, phục hồi chức năng và điều trị bệnh nghề nghiệp | Bệnh viện ĐD-PHCN-Điều trị BNN | Quận 8 | Xây dựng mới | 200.000 |

b) Đầu tư trang thiết bị:

Ủy ban nhân dân Thành phố đã thông qua chủ trương đầu tư trang thiết bị y tế của các bệnh viện với tổng mức đầu tư: 964 tỷ đồng, triển khai đấu thầu, mua sắm từ năm 2012. Khuyến khích các bệnh viện vay vốn kích cầu và sử dụng vốn sự nghiệp để mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3**NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ BỆNH VIỆN QUẬN - HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Các dự án đã có chủ trương đầu tư của các quận - huyện: 10 dự án: Tổng mức đầu tư xây dựng: 1.870 tỷ đồng; đầu tư trang thiết bị cho các bệnh viện quận - huyện: 170 tỷ đồng, diện tích sàn sử dụng tăng thêm, đạt tiêu chuẩn thiết kế bệnh viện TCVN 365:2007. Đến năm 2015, có thêm 260 giường bệnh và 100.000m² sàn sử dụng ở các bệnh viện quận - huyện, tương đương tăng thêm 1.500 giường.

Các dự án:

Dvt: triệu đồng

| Số TT | Tên công trình, dự án | Chủ đầu tư | Năng lực thiết kế | Tổng vốn đầu tư |
|-------|--|--|---|------------------|
| | TỔNG CỘNG | | | 1.870.000 |
| 1 | Xây dựng phòng khám đa khoa Bình Khánh - An Nghĩa | Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Cần Giờ | 50 giường | 50.000 |
| 2 | Cải tạo mở rộng bệnh viện huyện Củ Chi (tên cũ là Bệnh viện An Nhơn Tây) | Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Củ Chi | 300 giường (tăng 150 giường bệnh) | 350.000 |
| 3 | Cải tạo nâng cấp Bệnh viện Quận 11 | Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 11 | 120 giường (không tăng giường bệnh) | 80.000 |
| 4 | Xây dựng mở rộng và nâng cấp Bệnh viện quận Thủ Đức | Ban Quản lý đầu tư XDCT quận Thủ Đức | 300 giường (không tăng giường bệnh) | 60.000 |
| 5 | Xây dựng mới Bệnh viện huyện Bình Chánh | Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Bình Chánh | 300 giường (không tăng giường) | 400.000 |
| 6 | Xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện Cần Giờ | Ban Quản lý đầu tư XDCT huyện Cần Giờ | 200 giường, khôi phục, diện tích 6ha (tăng 50 giường) | 200.000 |

| | | | | |
|----|------------------------------------|-------------------------------------|---|----------------|
| 7 | Xây dựng mở rộng Bệnh viện Quận 2 | Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 2 | Tăng quy mô lên 160 giường (tăng 10 giường) | 150.000 |
| 8 | Cải tạo, mở rộng Bệnh viện Quận 8 | Ban Quản lý đầu tư XDCT Quận 8 | 2.000m ² | 120.000 |
| 9 | Xây dựng Bệnh viện quận Gò Vấp | Ban Quản lý đầu tư XDCT quận Gò Vấp | 300 giường | 400.000 |
| 10 | Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Quận 7 | Bệnh viện Quận 7 | Sửa chữa, nâng cấp | 60.000 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 4
NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ KHỎI Y TẾ DỰ PHÒNG
(KHỎI THÀNH PHỐ)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Dvt: triệu đồng

| Số TT | Tên dự án, công trình | Chủ Đầu tư | Địa điểm thực hiện | Năng lực thiết kế | Tổng vốn đầu tư |
|-------|---|----------------------------------|--------------------|---|-----------------|
| | | | | | 275.000 |
| 1 | Xây dựng và mở rộng Trung tâm Dinh dưỡng | Trung tâm Dinh dưỡng | Quận Phú Nhuận | Xây dựng và mở rộng | 80.000 |
| 2 | Xây dựng Trung tâm Pháp y - Sở Y tế | Trung tâm Pháp Y | Huyện Bình Chánh | Xây dựng mới | 45.000 |
| 3 | Xây dựng mới Trung tâm Y tế Dự phòng | Trung tâm Y tế dự phòng | Quận 8 | Khu đất 1ha, sàn xây dựng 8.000m ² | 120.000 |
| 4 | Xây dựng mới Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế | Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế | Quận Phú Nhuận | Xây dựng mới | 30.000 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 5
NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ KHỐI Y TẾ DỰ PHÒNG (KHỐI QUẬN - HUYỆN)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đvt: triệu đồng

| Số TT | Tên dự án, công trình | Tổng vốn đầu tư |
|------------------|--|------------------------|
| 1 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 1 | 18.00 |
| 2 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 2 | 42.000 |
| 3 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 3 | 6.180 |
| 4 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 4 | 158.000 |
| 5 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 5 | 93.600 |
| 6 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 6 | - |
| 7 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 7 | 15.000 |
| 8 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 8 | 92.000 |
| 9 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 9 | - |
| 10 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 10 | 30.000 |
| 11 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 11 | - |
| 12 | Trung tâm Y tế dự phòng Quận 12 | - |
| 13 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Bình Thạnh | 2.500 |
| 14 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Thủ Đức | 45.000 |
| 15 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Tân Bình | - |
| 16 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Gò Vấp | - |
| 17 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Tân Phú | 25.000 |
| 18 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Phú Nhuận | - |
| 19 | Trung tâm Y tế dự phòng quận Bình Tân | 15.000 |
| 20 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Nhà Bè | - |
| 21 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Bình Chánh | 61.500 |
| 22 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Hóc Môn | - |
| 23 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Cần Giờ | - |
| 24 | Trung tâm Y tế dự phòng huyện Củ Chi | 48.000 |
| Tổng cộng | | 652.280 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 6**NHU CẦU ĐẦU TƯ TRẠM Y TẾ PHƯỜNG - XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| Số TT | Đơn vị | Thống kê số liệu và tình hình thực hiện |
|--------------|---------------|--|
| 1 | Quận 1 | Tổng số Trạm Y tế: 10 Số trạm đạt chuẩn: 10 Số trạm cần xây dựng mới: 0 |
| 2 | Quận 2 | Tổng số Trạm Y tế: 11 Do quy hoạch Khu đô thị Thủ Thiêm nên 3 Trạm Y tế phường An Lợi Đông, phường An Khánh và phường Thủ Thiêm bị xóa trắng, đồng thời Trạm Y tế phường Bình An sáp nhập với phường Bình Khánh (trở thành Trạm Y tế liên phường) nên tổng số Trạm Y tế hiện nay trên địa bàn Quận 2 là 7 Trạm. Số trạm đạt chuẩn: 6. Số trạm cần xây dựng mới 2 trạm: Bình Khánh, An Phú. Kinh phí đề xuất 12.000.000.000 đồng |
| 3 | Quận 3 | Tổng số Trạm Y tế: 14. Số trạm đạt chuẩn: 9. Số trạm cần xây dựng mới: 2 - Phường 6: chưa có địa điểm di dời. - Phường 3: đã có chủ trương đầu tư. Kinh phí đề xuất: 7.000.000.000 đồng 03 Trạm Y tế chỉ cần sửa chữa thuộc phường 1, phường 2 và phường 11. |
| 4 | Quận 4 | Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 11. Số trạm cần xây dựng mới: 4 trạm thuộc phường 6, 8, 15 và 18. Kinh phí đề xuất: 16.000.000.000 đồng |

| | | |
|----|---------|--|
| 5 | Quận 5 | Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 10. Số trạm cần xây dựng mới: 0 5 Trạm Y tế không đạt chuẩn về diện tích đã có kế hoạch di dời của quận. |
| 6 | Quận 6 | Tổng số Trạm Y tế: 14. Số trạm đạt chuẩn: 14. Số trạm cần xây dựng mới: 0 |
| 7 | Quận 7 | Tổng số Trạm Y tế: 10. Số trạm đạt chuẩn: 6. Số trạm cần xây dựng mới: 4 (phường Tân Thuận Đông, Phú Mỹ, Tân Phong và Phú Thuận) Kinh phí đề xuất: 16.000.000.000 đồng |
| 8 | Quận 8 | Tổng số Trạm Y tế: 16. Số trạm đạt chuẩn: 10. Số trạm cần xây dựng mới: 6 (phường 8, 11, 13, 14, 10 và 12) Kinh phí đề xuất: 24.000.000.000 đồng Còn trạm phường 10, 12 chưa có vị trí đất xây dựng. |
| 9 | Quận 9 | Tổng số Trạm Y tế: 13. Số Trạm đạt chuẩn: 10. Số Trạm cần xây dựng mới: 1 (phường Tăng Nhơn Phú A) Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng Các Trạm Y tế phường Trường Thạnh và Phước Long B đã có kế hoạch di dời đến địa điểm khác có diện tích đạt chuẩn. |
| 10 | Quận 10 | Tổng số Trạm Y tế: 15. Số Trạm đạt chuẩn: 11. Số trạm cần xây dựng mới: 2 trạm (phường 13 và 15) 2 trạm đã có kế hoạch di dời đến địa điểm khác có diện tích đạt chuẩn (phường 2 và 7) Kinh phí đề xuất: 6.000.000.000 đồng |
| 11 | Quận 11 | Tổng số Trạm Y tế: 16. Số trạm đạt chuẩn: 15. Số trạm cần xây dựng mới: 0 Số trạm cần sửa chữa: 1 (phường 7) |

| | | |
|----|-----------------|---|
| 12 | Quận 12 | Tổng số Trạm Y tế: 11. Số trạm đạt chuẩn: 7. Số trạm cần xây dựng mới: 4 (phường An Phú Đông, phường Thạnh Lộc, phường Trung Mỹ Tây và phường Tân Thới Hiệp). Kinh phí đề xuất: 20.000.000.000 đồng |
| 13 | Quận Phú Nhuận | Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 14. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (phường 4) Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng |
| 14 | Quận Tân Bình | Tổng số Trạm Y tế: 15. Số trạm đạt chuẩn: 14. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (phường 4) Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng |
| 15 | Quận Bình Tân | Tổng số Trạm Y tế: 10. Số trạm đạt chuẩn: 10. |
| 16 | Quận Gò Vấp | Tổng số Trạm Y tế: 16. Số Trạm đạt chuẩn: 15. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (phường 12). Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng |
| 17 | Quận Tân Phú | Tổng số Trạm Y tế: 11. Số trạm đạt chuẩn: 11. Số trạm cần xây dựng mới: 0 |
| 18 | Quận Thủ Đức | Tổng số Trạm Y tế: 12. Số trạm đạt chuẩn: 12. Số trạm cần xây dựng mới: 0 |
| 19 | Quận Bình Thạnh | Tổng số Trạm Y tế: 20. Số trạm đạt chuẩn: 16. Số trạm cần xây dựng mới: 4. Kinh phí đề xuất: 16.000.000.000 đồng |
| 20 | Huyện Cần Giờ | Tổng số Trạm Y tế: 7. Số trạm đạt chuẩn: 4. Số trạm cần xây dựng mới: 1 (xã Long Hòa). 3 Trạm Y tế Thị trấn Cần Thạnh, xã Bình Khánh và xã Thạnh An chỉ cần sửa chữa. Kinh phí đề xuất: 4.000.000.000 đồng |

| | | |
|----|------------------|--|
| 21 | Huyện Củ Chi | Tổng số Trạm Y tế: 21. Số trạm đạt chuẩn: 21. Số trạm cần xây dựng mới: 0. |
| 22 | Huyện Nhà Bè | Tổng số Trạm Y tế: 7. Số trạm đạt chuẩn: 5. Số trạm cần xây dựng mới: 2 thuộc xã Hiệp Phước và Phước Lộc. Kinh phí đề xuất: 8.000.000.000 đồng |
| 23 | Huyện Hóc Môn | Tổng số Trạm Y tế: 12. Số trạm đạt chuẩn: 12. Số trạm cần xây dựng mới: 0 |
| 24 | Huyện Bình Chánh | Tổng số Trạm Y tế: 16. Số trạm đạt chuẩn: 9. Số trạm cần xây dựng mới: 7. Trong đó có 1 trạm chưa có vị trí đất xây dựng: xã Hưng Long. Kinh phí đề xuất: 28.000.000.000 đồng |

Mạng lưới Trạm Y tế cơ sở của 24 quận - huyện: 322 Trạm Y tế.

Tổng số trạm bị xóa trắng (do quy hoạch Khu đô thị Thủ Thiêm): 3 Trạm Y tế.

Các Trạm Y tế đạt chuẩn về cơ sở vật chất: 261 Trạm Y tế.

Các Trạm Y tế chưa đạt chuẩn cần xây dựng mới: 42 Trạm Y tế.

Dự kiến tổng kinh phí đề xuất xây dựng mới cho 42 Trạm Y tế: **173 tỷ đồng**.

Nguồn vốn: Từ vốn ngân sách phân cấp cho các quận - huyện./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ